

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất một số loại hàng hóa

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và gửi kho ngoại quan;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất một số loại hàng hóa như sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất, bao gồm cả hoạt động gửi hàng hóa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới.

2. Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này bao gồm:

a) Hàng hóa thuộc các Danh mục quy định tại Điều 3 Thông tư này.

b) Hàng hóa đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài nhưng không thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây viết tắt là Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng).

3. Hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này không được thực hiện qua các cửa khẩu đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với thương nhân Việt Nam (sau đây viết tắt là thương nhân) kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này tái xuất qua các tỉnh biên giới; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo cam kết về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

CHƯƠNG II BAN HÀNH DANH MỤC MỘT SỐ LOẠI HÀNG HÓA

Điều 3. Danh mục một số loại hàng hóa

Ban hành kèm theo Thông tư này các Danh mục hàng hóa dưới đây:

1. Hàng hóa cấm kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu (Phụ lục I).
2. Hàng hóa tạm ngừng kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và gửi kho ngoại quan (Phụ lục II).
3. Hàng hóa thực phẩm đông lạnh kinh doanh tạm nhập tái xuất (Phụ lục III).
4. Hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (Phụ lục IV).

CHƯƠNG III CẤP MÃ SỐ KINH DOANH TẠM NHẬP TÁI XUẤT HÀNG HÓA

Điều 4. Kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh

Thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được thành lập tối thiểu là hai (2) năm và đã có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc tạm nhập tái xuất hàng hóa.

2. Có số tiền ký quỹ đặt cọc là 5 tỷ VNĐ (năm tỷ đồng Việt Nam) tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thương nhân có kho, bãi theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Có kho, bãi phục vụ việc kinh doanh tạm nhập tái xuất. Cụ thể:

a) Kho, bãi có sức chứa tối thiểu là một trăm (100) công-ten-nơ lạnh loại 40 feet, diện tích tối thiểu là một nghìn năm trăm mét vuông (1.500 m²). Kho, bãi được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào cứng, được xây dựng với chiều cao tối thiểu là hai phẩy năm mét (2,5 m); có đường dành cho xe chở công-ten-nơ di chuyển ra vào kho, bãi; có cổng ra vào và biển hiệu của thương nhân sử dụng kho, bãi.

b) Kho, bãi có đủ nguồn điện (gồm điện lưới và máy phát điện dự phòng có công suất tương đương) và các thiết bị chuyên dùng kèm theo để vận hành các công-ten-nơ lạnh theo sức chứa của kho, bãi được quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c) Kho, bãi phải thuộc sở hữu của thương nhân hoặc do thương nhân ký hợp đồng thuê, thời hạn thuê tối thiểu là ba (3) năm; phải nằm trong quy hoạch hoặc trong khu vực quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có diễn ra hoạt động tái xuất thực phẩm đông lạnh. Quy hoạch hoặc khu vực quy định nêu trên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi trao đổi với Bộ Công Thương và Tổng cục Hải quan.

d) Đối với các tỉnh chưa có hoạt động tái xuất thực phẩm đông lạnh trên địa bàn, khi có phát sinh mới và có nhu cầu quy hoạch khu vực kho, bãi để thương nhân tham gia kinh doanh tạm nhập tái xuất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trao đổi với Bộ Công Thương và Tổng cục Hải quan trước khi quy hoạch.

đ) Kho, bãi mà thương nhân đã kê khai để xin cấp mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất không được cho thương nhân khác thuê toàn bộ hoặc thuê một phần kho, bãi của mình để sử dụng vào mục đích xin cấp mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất.

Điều 5. Kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt

Thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được thành lập tối thiểu là hai (2) năm và đã có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc tạm nhập tái xuất hàng hóa.

2. Có số tiền ký quỹ đặt cọc là 5 tỷ VNĐ (năm tỷ đồng Việt Nam) tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thương nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 6. Kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng

Thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Cấp Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa

1. Thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này được cấp Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (sau đây viết tắt là Mã số tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh) khi đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này. Hồ sơ và thủ tục được thực hiện như sau:

a) Thương nhân gửi một (1) bộ hồ sơ đăng ký cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh qua đường bưu điện đến Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương (Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội), gồm:

- Đơn đề nghị cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (theo mẫu tại Phụ lục V): 01 bản chính.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

- Văn bản của Tổng cục Hải quan xác nhận về việc thương nhân có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc tạm nhập tái xuất hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này: 01 bản chính.

- Văn bản của Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thương nhân có kho, bãi xác nhận về số tiền ký quỹ đặt cọc theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này: 01 bản chính.

- Văn bản của Điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thương nhân có kho, bãi xác nhận về việc kho, bãi có đủ nguồn điện lưới để vận hành các công-ten-nơ lạnh theo sức chứa: 01 bản chính.

b) Trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Công Thương tiến hành kiểm tra hoặc ủy quyền cho Sở Công Thương cấp tỉnh nơi thương nhân có kho, bãi kiểm tra, xác nhận điều kiện về kho, bãi cho thương nhân.

c) Trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra điều kiện kho, bãi của thương nhân, Bộ Công Thương xem xét cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh cho thương nhân. Trường hợp không cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc Phụ lục-IV ban hành kèm theo Thông tư này được cấp Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt (sau đây viết tắt là Mã số tạm nhập tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt) khi đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này. Hồ sơ và thủ tục được thực hiện như sau:

a) Thương nhân gửi một (1) bộ hồ sơ đăng ký cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt qua đường bưu điện đến Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương (Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội), gồm:

- Đơn đề nghị cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt (theo mẫu tại Phụ lục VI): 01 bản chính.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp): 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

- Văn bản của Tổng cục Hải quan xác nhận về việc thương nhân có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc tạm nhập tái xuất hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này: 01 bản chính.

- Văn bản của Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thương nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp xác nhận về số tiền ký quỹ đặt cọc theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này: 01 bản chính.

b) Trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Công Thương xem xét cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt cho thương nhân. Trường hợp không cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư này được cấp Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng đã qua sử dụng (sau đây viết tắt là Mã số tạm nhập tái xuất hàng đã qua sử dụng) khi đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 6 Thông tư này. Hồ sơ và thủ tục đề nghị cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng đã qua sử dụng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này (Đơn đề nghị cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng làm theo mẫu tại Phụ lục VII).

4. Mã số theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này là Mã số riêng. Thương nhân được cấp Mã số nhóm hàng hóa nào thì được kinh doanh tạm nhập tái xuất các mặt hàng thuộc phạm vi của nhóm hàng hóa đó.

5. Mã số theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này có thời hạn hiệu lực là ba (3) năm, kể từ ngày cấp.

6. Trường hợp hàng hóa từ nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới thì chỉ thương nhân có Mã số của nhóm hàng hóa đó mới được đứng tên trên tờ khai hải quan nhập, xuất kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất. Thương nhân không có Mã số không được phép đứng tên trên tờ khai nhập, xuất kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất hàng hóa từ kho ngoại quan qua các tỉnh biên giới.

7. Thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này nhưng không tái xuất qua các tỉnh biên giới phía Bắc thì không phải thực hiện các quy định của Thông tư này.

Điều 8. Cấp lại Mã số cho thương nhân

Mã số của thương nhân được cấp lại trong các trường hợp sau:

1. Mã số đã được cấp hết hạn. Hồ sơ và thủ tục đề nghị cấp Mã số thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

2. Điều chỉnh nội dung Mã số đã được cấp. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung Mã số: 01 bản chính.
- b) Mã số đã được cấp: 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.
- c) Các giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh nội dung: mỗi loại 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

3. Mã số bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp lại Mã số: 01 bản chính.
- b) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc mất, thất lạc hoặc hư hỏng: 01 bản chính.

Trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Công Thương cấp lại Mã số cho thương nhân. Trường hợp không cấp lại Mã số, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

CHƯƠNG IV

THỦ TỤC TẠM NHẬP TÁI XUẤT VÀ CỬA KHẨU TÁI XUẤT

Điều 9. Thủ tục tạm nhập tái xuất hàng hóa

1. Đối với hàng thực phẩm đông lạnh thuộc Phụ lục III và hàng hóa thuộc Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, thương nhân có Mã số được làm thủ tục tạm nhập tái xuất tại cơ quan hải quan theo quy định, không phải xin phép Bộ Công Thương.

2. Đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư này, thương nhân có Mã số tạm nhập tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng khi tạm nhập tái xuất gửi hồ sơ đề nghị về Bộ Công Thương. Hồ sơ và thủ tục được thực hiện như sau:

a) Thương nhân gửi một (1) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tạm nhập tái xuất qua đường bưu điện đến Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương (Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội), gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép tạm nhập tái xuất (theo mẫu tại Phụ lục VIII): 01 bản chính.

- Hai hợp đồng, gồm hợp đồng nhập khẩu và hợp đồng xuất khẩu do thương nhân ký với khách hàng nước ngoài: mỗi loại 01 bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép tạm nhập tái xuất đã được cấp (theo mẫu tại Phụ lục IX): 01 bản chính.

- Các tờ khai hải quan có xác nhận thực xuất của cơ quan hải quan đối với các lô hàng theo giấy phép tạm nhập tái xuất đã được cấp lần trước: mỗi tờ 01 bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

b) Trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Công Thương cấp giấy phép tạm nhập tái xuất cho thương nhân. Trường hợp không cấp giấy phép, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương ủy quyền cho Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu thực hiện việc cấp giấy phép tạm nhập tái xuất quy định tại khoản 2 Điều này cho thương nhân.

Điều 10. Điều tiết hàng hóa tạm nhập tái xuất

Khi có hiện tượng hàng hóa ách tắc tại cảng, cửa khẩu và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các cơ quan có liên quan thông báo cho Bộ Công Thương biết để xem xét thực hiện việc điều tiết hàng hóa tạm nhập tái xuất.

Việc điều tiết hàng hóa tạm nhập tái xuất được thực hiện như sau:

1. Bộ Công Thương áp dụng việc cấp giấy phép tạm nhập tái xuất đối với hàng thực phẩm đông lạnh.

2. Trường hợp áp dụng cấp giấy phép tạm nhập tái xuất, thương nhân có Mã số tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh khi tạm nhập tái xuất gửi hồ sơ đề nghị về Bộ Công Thương. Hồ sơ và thủ tục được thực hiện như quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân tạm ngừng đưa hàng về Việt Nam.

Điều 11. Cửa khẩu tái xuất

1. Hàng thực phẩm đông lạnh thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này được tái xuất qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính và cửa khẩu, điểm thông quan trong khu kinh tế cửa khẩu được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập đã có đủ các cơ quan kiểm soát chuyên ngành theo quy định.

2. Hàng hóa thuộc Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này được tái xuất qua cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu, điểm thông quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập đã có đủ các cơ quan kiểm soát chuyên ngành theo quy định.

3. Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư này chỉ được tái xuất qua cửa khẩu quốc tế.

CHƯƠNG V MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC KHI KINH DOANH TẠM NHẬP TÁI XUẤT HÀNG HÓA

Điều 12. Vận đơn đường biển

1. Vận đơn đường biển đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất thuộc phạm vi điều chỉnh tại Thông tư này phải là vận đơn đích danh, không được chuyển nhượng.

2. Ngoài những nội dung theo quy định, trên vận đơn phải ghi số Mã số của thương nhân.

Đối với trường hợp tạm nhập tái xuất theo giấy phép, trên vận đơn phải ghi thêm số giấy phép do Bộ Công Thương cấp cho thương nhân.

Điều 13. Thời hạn lưu giữ hàng hóa tại Việt Nam

1. Hàng hóa tạm nhập tái xuất được lưu giữ tại Việt Nam không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tạm nhập. Trường hợp cần kéo dài thời hạn, thương nhân có văn bản đề nghị gia hạn gửi cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập; mỗi lô hàng tạm nhập tái xuất chỉ được gia hạn một lần, thời hạn gia hạn không quá mười lăm (15) ngày.

Quá thời hạn nêu trên, thương nhân phải tái xuất ra khỏi Việt Nam trong vòng mười lăm (15) ngày qua cửa khẩu tạm nhập, không được phép tái xuất qua cửa khẩu khác cửa khẩu tạm nhập. Hàng hóa không tái xuất sẽ bị tịch thu và xử lý theo quy định. Nếu phải tiêu hủy, chi phí tiêu hủy được trích từ số tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân.

2. Trường hợp hàng hóa được gửi từ nước ngoài, vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới thì thời gian làm thủ tục xuất khẩu, tái xuất không quá mười lăm (15) ngày, kể từ ngày xuất kho ngoại quan.

Điều 14. Giám sát hàng hóa

1. Hàng hóa tạm nhập tái xuất chịu sự kiểm tra và giám sát của cơ quan Hải quan từ cửa khẩu tạm nhập cho tới khi hàng hóa thực tái xuất ra nước ngoài.

2. Không chia nhỏ công-ten-nơ trong suốt quá trình vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu tạm nhập đến khu vực chịu sự giám sát của cơ quan hải quan, địa điểm tái xuất thuộc cửa khẩu, điểm thông quan theo quy định.

3. Không cho phép hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này được chuyển loại hình kinh doanh tạm nhập tái xuất sang nhập khẩu để tiêu thụ nội địa.

CHƯƠNG VI QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN KÝ QUỸ ĐẶT CỌC CỦA THƯƠNG NHÂN

Điều 15. Quản lý số tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân

1. Đối với hàng hóa thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, Kho bạc Nhà nước tỉnh nơi thương nhân có kho, bãi chịu trách nhiệm quản lý số tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân.

2. Đối với hàng hóa thuộc Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thương nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý số tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân.

Điều 16. Sử dụng số tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân

1. Thương nhân phải thanh toán toàn bộ các chi phí sau đây:

- a) Xử lý, làm sạch môi trường nếu hàng hóa của thương nhân gây ô nhiễm môi trường trong quá trình lưu giữ, tạm nhập, tái xuất tại Việt Nam.
- b) Tiêu hủy hàng tồn đọng không tái xuất được, hàng tạm nhập không đúng với khai báo thuộc diện bị xử lý tiêu hủy.
- c) Thanh toán các chi phí khác phát sinh do thương nhân vi phạm các quy định về kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa.

2. Trường hợp thương nhân không thanh toán các chi phí theo quy định tại khoản 1 Điều này, các chi phí nêu trên sẽ được trừ vào số tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân tại Kho bạc nhà nước cấp tỉnh, thành phố. Cơ quan xử lý vi phạm có văn bản đề nghị Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, thành phố nơi thương nhân ký quỹ đặt cọc sử dụng số tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân để thanh toán các chi phí theo quyết định của cơ quan xử lý vi phạm.

3. Cơ quan xử lý vi phạm chịu trách nhiệm về việc ra quyết định xử lý sử dụng tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân.

4. Khi xử lý vi phạm của thương nhân, cơ quan xử lý vi phạm thông báo ngay cho Bộ Công Thương biết để phối hợp quản lý và yêu cầu thương nhân bổ sung đủ số tiền ký quỹ đặt cọc theo quy định trước khi tiếp tục kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa.

Điều 17. Hoàn trả số tiền ký quỹ đặt cọc cho thương nhân

Sau khi đã thanh toán các chi phí theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này (nếu có), thương nhân được hoàn trả toàn bộ hoặc một phần số tiền ký quỹ đặt cọc trong các trường hợp sau:

1. Không được cấp Mã số theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.
2. Hoàn trả Mã số do không tiếp tục hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa.
3. Bị thu hồi Mã số đã được cấp do vi phạm các quy định của Thông tư này.

CHƯƠNG VII XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Chế tài xử lý vi phạm

Ngoài các chế tài xử lý vi phạm trong kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa theo quy định của pháp luật, quy định bổ sung một số chế tài xử lý vi phạm như sau:

1. Tạm ngừng hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa của thương nhân trong các trường hợp sau:

a) Chưa bổ sung đủ số tiền ký quỹ đặt cọc sau khi đã thanh toán các chi phí quy định tại Điều 16 Thông tư này. Thương nhân chỉ được tiếp tục kinh doanh tạm nhập tái xuất theo quy định của Thông tư này sau khi đã bổ sung đủ số tiền ký quỹ đặt cọc theo quy định.

b) Không tạm ngừng đưa hàng về Việt Nam để thực hiện yêu cầu của Bộ Công Thương về việc điều tiết hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này. Thời gian tạm ngừng là sáu (6) tháng, sau khi hết thời hạn này mà thương nhân tiếp tục tái phạm thì sẽ bị thu hồi Mã số tạm nhập tái xuất.

2. Thương nhân bị thu hồi Mã số tạm nhập tái xuất hàng hóa trong các trường hợp sau:

a) Gian lận trong việc kê khai các điều kiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

b) Không duy trì các điều kiện theo quy định tại Thông tư này trong quá trình kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa.

c) Không bổ sung đủ số tiền ký quỹ đặt cọc theo quy định trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Công Thương.

d) Vi phạm trong việc cho thuê toàn bộ hoặc cho thuê một phần kho, bãi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

đ) Tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục cấm kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyên khẩu hoặc hàng hóa thuộc Danh mục tạm ngừng kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyên khẩu và gửi kho ngoại quan.

e) Tạm nhập tái xuất hàng hóa mà không có giấy phép do Bộ Công Thương cấp theo quy định.

Điều 19. Thời gian cấp lại Mã số sau khi bị thu hồi

Thương nhân bị thu hồi Mã số không được cấp lại Mã số trong vòng một (1) năm kể từ ngày bị thu hồi. Thương nhân bị thu hồi Mã số tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh không được phép cho thương nhân khác thuê kho, bãi để xin cấp Mã số tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.

CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Thực hiện và phối hợp của các cơ quan, tổ chức liên quan

Ngoài các trách nhiệm quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan về chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan, tổ chức liên quan và thương nhân còn có các trách nhiệm cụ thể sau:

1. Bộ Công Thương:

a) Tổ chức kiểm tra, xác nhận điều kiện về kho, bãi của thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh hoặc ủy quyền cho Sở Công Thương tổ chức, tiến hành kiểm tra và xác nhận.

b) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan để thu hồi Mã số của thương nhân và xử lý vi phạm theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan:

a) Xây dựng quy hoạch khu vực kho, bãi đáp ứng đủ quy định để bảo quản hàng thực phẩm đông lạnh tạm nhập, tái xuất trên địa bàn, không ảnh hưởng môi trường và góp phần chống gian lận thương mại.

Trước khi quy hoạch kho, bãi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản tham khảo ý kiến của Bộ Công Thương và Tổng cục Hải quan về đánh giá nhu cầu và khả năng phát triển hoạt động tạm nhập tái xuất trên địa bàn, tránh trường hợp đầu tư tràn lan, gây lãng phí. Trường hợp khu vực kho, bãi đã được phê duyệt, quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt và khu vực đã được quy định.

b) Thông báo cho Bộ Công Thương biết khi thương nhân không duy trì các điều kiện theo quy định tại Thông tư này trong quá trình kinh doanh tạm nhập tái xuất.

c) Theo dõi, kiểm tra việc tạm nhập, tái xuất hàng hóa của thương nhân trên địa bàn nhằm chống gian lận thương mại, nhập lậu và bảo vệ môi trường; kịp thời thông báo cho Bộ Công Thương diễn biến tình hình giao nhận hàng hóa trên địa bàn và đề xuất biện pháp quản lý để đạt được các mục tiêu và tránh ùn tắc tại các cảng, cửa khẩu.

d) Chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn có biện pháp cụ thể để kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ nhằm phát hiện kịp thời việc buôn bán, vận chuyển hàng hóa tạm nhập, tái xuất không có giấy tờ hợp pháp, không rõ nguồn gốc xuất xứ vào tiêu thụ trên địa bàn hoặc đi tiêu thụ ở địa bàn khác.

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát hàng hóa tạm nhập, tái xuất lưu thông trên địa bàn; bố trí lực lượng bảo đảm quản lý kiểm soát chặt chẽ hoạt động tái xuất hàng hóa tại các cửa khẩu tái xuất; kiên quyết xử lý nghiêm tất cả các trường hợp vi phạm theo đúng quy định.

3. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, thành phố liên quan:

a) Tổ chức quản lý và sử dụng số tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân theo quy định tại Thông tư này.

b) Thông báo ngay cho Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biết khi số tiền ký quỹ đặt cọc của thương nhân được sử dụng để thanh toán các chi phí theo quyết định của cơ quan xử lý vi phạm.

4. Tổng cục Hải quan:

a) Định kỳ hàng tháng cung cấp cho Bộ Công Thương các thông tin sau để điều tiết hàng hóa và có biện pháp xử lý kịp thời:

- Lượng hàng hóa tạm nhập, tái xuất thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.
- Lượng hàng hóa tạm nhập, tái xuất tồn đọng quá thời hạn quy định.

b) Thông báo cho Bộ Công Thương trường hợp thương nhân vi phạm các quy định về kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa.

c) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xử lý vi phạm của thương nhân theo các quy định của pháp luật và các quy định tại Thông tư này.

4. Thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa:

a) Duy trì các điều kiện theo quy định tại Thông tư này trong suốt quá trình kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa.

b) Nghiêm túc giải tỏa hàng thực phẩm đông lạnh tại cảng, cửa khẩu về kho, bãi của mình theo yêu cầu của Bộ Công Thương trong trường hợp có hiện tượng ách tắc, tồn đọng.

c) Thu gom và xử lý chất thải, nước thải để phòng chống dịch bệnh, bảo đảm vệ sinh môi trường tại kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh.

d) Báo cáo định kỳ trước ngày 25 hàng tháng (bằng đường bưu điện và đường thư điện tử) về Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân và Sở Công Thương cấp tỉnh nơi thương nhân có kho bãi, ký quỹ đặt cọc và nơi hàng hóa tái xuất đi qua về tình hình thực hiện tạm nhập tái xuất hàng hóa các loại (theo mẫu tại Phụ lục X).

CHƯƠNG IX HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong vòng 60 ngày, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, thương nhân đã được cấp Giấy chứng nhận mã số tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh theo quy định tại Thông tư số 21/2011/TT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh phải bổ sung đủ các điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 và nộp hồ sơ đề nghị cấp Mã số theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này mới được tiếp tục thực hiện kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh thuộc Phụ lục III theo các quy định tại Thông tư này, không cần văn bản xác nhận của Tổng cục Hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2. Đối với các giấy phép tạm nhập tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư này do Bộ Công Thương cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, thương nhân được thực hiện tạm nhập theo thời hạn của giấy phép và tái xuất theo các quy định như trước khi Thông tư này có hiệu lực.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2013 và bãi bỏ các văn bản sau:

a) Thông tư số 33/2010/TT-BCT ngày 11 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyên khẩu phủ tạng gia súc, phủ tạng gia cầm đông lạnh và không đông lạnh.

b) Thông tư số 21/2011/TT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh.

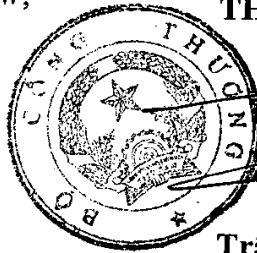
c) Quyết định số 5737/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố tạm thời các Danh mục hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyên khẩu và gửi kho ngoại quan.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức có liên quan và thương nhân kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK(15).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Tuấn Anh